

Bản án số: 108/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/8/2018  
V/v: “Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Ba.
2. Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 199/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tống Thị L, sinh năm 1997.

Trú tại: 104, tổ 2, ấp 3, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992.

Trú tại: Xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Tạm trú: Số 41, tổ 2, ấp 1, xã P, huyện L, Đồng Nai.

Chị L có mặt, anh Đ vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 3 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Tống Thị L trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013 có tổ chức lễ cưới, và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, đến tháng 02/2014 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh Đ ham chơi, không chịu làm ăn và chăm lo cho gia đình nên chị về nhà cha mẹ ruột sống ly thân anh Đ đến nay, anh Đ không đến thăm con cũng không gặp chị để bàn bạc đoàn tụ. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Con chung: Có 01 cháu Nguyễn Duy L, sinh ngày 30/4/2014. Sau khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa làm việc nên không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

*Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo các Điều 222 đến 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định Điều 70, 72 Bộ Luật tố tụng dân sự.

*Về đường lối giải quyết vụ án:* đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Đ. Về con chung: giao cháu Nguyễn Duy L, sinh ngày 30/4/2014 cho chị L nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: anh Đ không đến tham dự phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L Thành, tỉnh Đồng Nai (số 41/2014 quyển số 01/2013 ngày 04/4/2014) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy từ khi phát sinh mâu thuẫn tháng 2/2014 đến nay chị L và anh Đ đã tự sống ly thân nhau, cũng không gặp nhau để bàn bạc đoàn tụ chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần căn

cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L xử cho chị L được ly hôn anh Đ.

[3]. Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Duy L, sinh ngày 30/4/2014. Sau khi ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy, sau khi sinh con đến nay chị L là người trực tiếp nuôi con, cháu L được chị L chăm sóc tốt, hiện cháu L còn nhỏ nên cần giao cháu L cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Chị L nuôi con không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nên không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có, anh Đ không có lời khai nên không xét.

[5] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Điều 11 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Tống Thị L, xử cho chị Tống Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy L, sinh ngày 30/4/2014 cho chị Tống Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: không xét.

2. Về án phí:

Chị Tống Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 002065 ngày 3/4/2018 của Chi cục thi hành án huyện Long Thành. Chị L đã nộp đủ án phí.

3. Chị Tống Thị L được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Đ được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Nơi nhận :*

- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- UBND X.Phước Thái;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phụng**